

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2812/QĐ-UBND

Kbang, ngày 22 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao dự toán chi Quản lý hành chính năm 2023 cho các cơ quan đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Kbang khóa VIII, kỳ họp thứ Tư ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện – xã cho thời kỳ ổn định 2022-2025 trên địa bàn huyện Kbang;

Căn cứ Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện khóa VIII-kỳ họp thứ Mười về phân bổ dự toán ngân sách địa phương và Phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2023;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính – KH huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi Quản lý hành chính năm 2023 cho các cơ quan đơn vị: 30.861.122.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ, tám trăm sáu mươi một triệu, một trăm hai mươi hai nghìn đồng).

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, đơn vị thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước, các văn bản của Trung ương, địa phương quy định về tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước năm 2023; xây dựng dự toán bố trí kinh phí thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ công tác trong năm (kể cả các nhiệm vụ phát sinh đột xuất), sử dụng kinh phí chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, thực hiện chế độ công khai theo đúng quy định.

Đối với nguồn kinh phí khoán đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện theo quy định.

Kinh phí giao đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

Các cơ quan, đơn vị bố trí tối thiểu 20% kinh phí chi thường xuyên giao theo định mức biên chế để thực hiện duy tu, sửa chữa tài sản, mua sắm tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất của cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND - UBND, Trưởng phòng Tài chính – KH, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, Thủ trưởng cơ quan được giao chỉ tiêu kinh phí chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *gh*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- Huyện ủy (b/c);
- HĐND huyện (b/c);
- Ban KT-XH HĐND huyện;
- Lưu: VT, VP-TH. *na*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

ĐVT: 1.000 đ

STT	TÊN ĐƠN VỊ/NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2023	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)	30.861.122	
I	Quản lý nhà nước huyện	14.863.054	
1	Hội đồng nhân dân huyện	2.789.848	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	799.132	
-	Qũy lương	523.132	
-	Chi thường xuyên	126.000	
-	KP đặc thù của Thường trực HĐND	150.000	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.990.716	
-	KP đặc thù của Thường trực HĐND	260.000	
-	Phụ cấp đại biểu HĐND huyện: 33 đại biểu	236.016	
-	KP chi hoạt động của HĐND cấp huyện theo Nghị quyết 89/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	1.494.700	
+	Khoản kinh phí cho các tổ đại biểu 1,5 trđ/ đại biểu/năm x 33 đại biểu	49.500	
+	Kinh phí hỗ trợ hoạt động của đại biểu TXCT 2.800.000 đ/ĐB/năm x 33 đại biểu	92.400	
+	Phí khai thác Internet 350 ngđ/người/tháng x 33 đại biểu	138.600	
+	KP khám sức khỏe, nghỉ dưỡng: 02 trđ/người/năm x 33 đại biểu	66.000	
+	Chi kỳ họp HĐND huyện + họp chuyên đề	475.000	
+	Phiên họp hàng tháng thường trực HĐND	44.000	
+	Hội nghị giao ban	17.000	
+	Tiếp công dân của thường trực HĐND	12.000	
+	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri	89.200	
+	Chi hoạt động giám sát, khảo sát	231.000	
+	Chi hoạt động tham vấn, chất vấn, giải trình, tập huấn trao đổi, học tập nghiệm	200.000	
+	Chi hoạt động văn hóa	10.000	
+	Chi công tác xã hội: Thăm hỏi ốm đau, phúng viếng..	50.000	
+	Chi khác: Thăm hỏi tặng quà đối tượng chính sách	20.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ / NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2023	Ghi chú
2	Văn phòng HĐND - UBND huyện	3.536.065	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	2.523.695	
-	Qũy lương- Biên chế	1.465.744	
-	Tiền công hợp đồng theo ND 68 (04 người)	411.351	
-	Chi thường xuyên	381.600	
+	Biên chế	327.600	
+	Hợp đồng theo ND 68 (04 người)	54.000	
-	Kinh phí đặc thù của Thường trực UBND	185.000	
-	KP chi cho đơn vị tổng hợp, làm thêm giờ	80.000	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.012.370	
-	Kinh phí đặc thù của Thường trực UBND	400.000	
-	Kinh phí hoạt động an toàn thực phẩm, quản lý dược, phòng chống dịch	50.000	
-	Kinh phí sơn sửa hàng rào trụ sở	150.000	
-	Phụ cấp chức vụ BCH quân sự cơ quan, đơn vị	10.370	
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi phục vụ chung UBND huyện	402.000	
+	Kinh phí tiếp công dân	52.000	
+	KP hoạt động trang Website của huyện theo Quyết định 20/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh (Chi quản lý, nhuận bút cho cộng tác viên, điện)	80.000	
+	Chi phục vụ các hội nghị trực tuyến tại huyện (điện, nước uống, Hội trường, VPP)	70.000	
+	KP bảo trì, nâng cấp, thuê đường truyền, tiền điện, phần mềm Virut, máy chủ	200.000	
3	Phòng Tài chính - KH huyện	936.623	
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	904.835	
-	Qũy lương	698.435	
-	Chi thường xuyên	176.400	
-	Kinh phí bổ sung đơn vị tổng hợp	30.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ / NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2023	Ghi chú
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	31.788	
-	KP thực hiện chương trình TABMIS (phòng máy, điện, thuê đường truyền, bảo trì, sửa chữa)	30.000	
-	Phụ cấp chức vụ BCH quân sự cơ quan, đơn vị	1.788	
4	Phòng kinh tế và hạ tầng	761.381	
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	761.381	
-	Qũy lương	584.981	
-	Chi thường xuyên	176.400	
5	Phòng Nông nghiệp và PTNT	713.632	
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	713.632	
-	Qũy lương	562.432	
-	Chi thường xuyên	151.200	
6	Phòng Tài nguyên và môi trường	562.074	
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	562.074	
-	Qũy lương	436.074	
-	Chi thường xuyên	126.000	
7	Phòng Văn hoá thông tin	572.418	
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	572.418	
-	Qũy lương	471.618	
-	Chi thường xuyên	100.800	
8	Phòng giáo dục và đào tạo	1.054.418	
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	1.054.418	
-	Qũy lương	878.018	
-	Chi thường xuyên	176.400	
9	Phòng nội vụ	1.418.696	
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	910.448	
-	Qũy lương	734.048	
-	Chi thường xuyên	176.400	

STT	TÊN ĐƠN VỊ / NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2023	Ghi chú
9.2	KP thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 16/2016/NĐ-CP	214.314	
+	Quỹ lương sự nghiệp lưu trữ	160.314	
+	Chi thường xuyên sự nghiệp lưu trữ	54.000	
9.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	293.934	
-	Phụ cấp chức vụ BCH quân sự cơ quan, đơn vị	3.934	
-	Chi tôn giáo + phát triển thanh niên	20.000	
-	Cải cách hành chính	50.000	
-	Kinh phí tổ chức thi công chức cấp huyện, xã	50.000	
-	Trích quỹ thi đua khen thưởng toàn huyện	170.000	
+	Trích 1% từ quỹ lương QLHC huyện, kể cả khen thưởng chương trình NTM	170.000	
10	Phòng lao động TB và XH	732.086	
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	702.086	
-	Quỹ lương	447.634	
-	Tiền công hợp đồng 68	114.952	
-	Chi thường xuyên	139.500	
+	Biên chế	126.000	
+	Hợp đồng theo ND 68	13.500	
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	30.000	
-	Ban liên lạc tù chính trị	20.000	
-	Hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ	10.000	
11	Thanh Tra Huyện	899.634	
11.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	847.634	
-	Quỹ lương	696.434	
-	Chi thường xuyên	151.200	
11.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	52.000	
-	Máy trang phục ngành thanh tra	42.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ / NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2023	Ghi chú
-	Hoạt động phòng chống tham nhũng	10.000	
12	Phòng Tư pháp	465.526	
12.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	405.526	
-	Qũy lương	329.926	
-	Chi thường xuyên	75.600	
12.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	60.000	
-	KP tuyên truyền phổ biến giáo dục Pháp Luật	30.000	
-	Theo dõi thi hành pháp luật	20.000	
-	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (Theo Thông tư 338/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)	10.000	
13	Phòng dân tộc	420.653	
13.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	420.653	
-	Qũy lương	345.053	
-	Chi thường xuyên	75.600	
II	Khối Đảng	9.444.739	
1	Văn phòng huyện ủy	8.933.219	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	5.528.033	
-	Qũy lương	4.290.133	
-	Chi thường xuyên	907.200	
-	KP đặc thù của Thường trực Huyện ủy	330.700	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.405.186	
-	Phụ cấp chức vụ BCH quân sự cơ quan, đơn vị	14.304	
-	KP đặc thù của Thường trực Huyện ủy	1.020.000	
-	Kinh phí thực hiện Quyết định số 856-QĐ/TU của Tỉnh ủy:	410.500	
-	Chi phụ cấp ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện	331.470	
-	Phụ cấp Ủy viên các TCCSĐ ngoài quốc doanh 8 người x 0,3	42.912	
-	Tổ chức gặp mặt các đồng chí bí thư, thôn làng TDP (hội nghị)	22.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ / NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2023	Ghi chú
-	KP hoạt động trang thông tin điện tử	100.000	
-	KP hoạt động ban bảo vệ chăm sóc sức khoẻ cán bộ	400.000	
-	Kinh phí khen thưởng công tác Đảng	110.000	
-	Kinh phí bảo vệ chính trị nội bộ (siêu tra)	45.000	
-	Thăm hỏi, phúng viếng Cán bộ do BTV Quản lý	35.000	
-	KP hoạt động Ban chỉ đạo thực hiện quy chế Dân chủ cơ sở	30.000	
-	Chi công tác dân vận (các lực lượng vũ trang ngoài địa bàn huyện đến làm công tác dân vận tại các xã trong huyện)	30.000	
-	KP hoạt động về công tác tôn giáo	10.000	
-	Hoạt động công tác kiểm tra, giám sát	40.000	
-	Hội nghị trực báo công tác kiểm tra, giám sát giữa UBKT Huyện ủy và cơ sở	14.000	
-	KP tổ chức cuộc thi cán bộ kiểm tra cơ sở giỏi	43.000	
-	Phụ cấp báo cáo viên, hoạt động báo cáo viên (đã tính MLCS 1,8 trđ)	270.000	
-	Kinh phí ban chỉ đạo 35 (HD 39-HD/VPTW ngày 16/10/2018)	200.000	
-	Thực hiện chỉ thị 05 của Bộ chính trị	80.000	
-	PC và KP hoạt động của Ban chỉ đạo 35 (theo HD số 39-HD/VPTW ngày 16/10/2018)	125.000	
-	KP tiếp thu, quán triệt, học tập và truyền truyền các nghị quyết của cấp trên	32.000	
2	Trung tâm chính trị huyện	511.520	
-	Kinh phí chi lương và các khoản phụ cấp	511.520	
III	Khối đoàn Thể	4.509.873	
1	UBMT tổ quốc huyện	1.548.816	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	1.065.896	
-	Qũy lương	869.496	
-	Chi thường xuyên	176.400	
-	KP đặc thù của Thường trực mặt trận	20.000	
1.2	Khi phí không thực hiện chế độ tự chủ	482.920	
-	KP đặc thù của Thường trực mặt trận	200.000	
-	Sinh hoạt phí Ủy viên mặt trận theo Quyết định 33/2014/QĐ-TTg	25.920	

STT	TÊN ĐƠN VỊ / NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2023	Ghi chú
-	Phát động, tuyên truyền quần chúng BVANTQ	10.000	
-	Hội nghị thực hiện cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam	10.000	
-	Tổng kết 20 năm tổ chức ngày đại đoàn kết toàn dân tộc giai đoạn 2003-2023	35.000	
-	Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư	22.000	
-	Hỗ trợ mô hình CVD thay đổi nếp nghĩ cách làm trong Đồng bào DTTS	30.000	
-	Tổ chức hội thi phong trào thi đua đoàn kết sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả hội nhập quốc tế	10.000	
-	KP giám sát theo QĐ 217/ QĐ-TW	30.000	
-	Chi công tác tôn giáo	100.000	
+	Chi hỗ trợ thường xuyên (17 người; 4trđ/người)	68.000	
+	Quà tặng chúc mừng ngày lễ	8.500	
+	Thăm hỏi ốm đau	20.000	
+	Phúng viếng	3.500	
-	Thực hiện Cuộc vận động toàn dân ĐKXD NTM đô thị văn minh	10.000	
2	Huyện Đoàn	793.533	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	610.811	
-	Qũy lương	484.811	
-	Chi thường xuyên	126.000	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	182.722	
-	Phụ cấp chức vụ BCH quân sự cơ quan, đơn vị	5.722	
-	Kinh phí bổ sung (4trđ/biên chế) tổ chức các hoạt động, phong trào phát sinh trong năm	20.000	
-	Tổ chức hội trại truyền thống	37.000	
-	Tổ chức tuyên dương Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác gắn với sơ kết 03 năm thực hiện KH 414-KH/TĐTN-BTG ngày 18/11/2021 của BTV Tỉnh đoàn về thực hiện Chỉ thị 05 giai đoạn 2021-2026	22.000	
-	Tổ chức tiếp xúc đối thoại giữa đại biểu HĐND lãnh đạo địa phương với trẻ em	25.000	
-	Tổ chức Hội thi Bí thư đoàn cơ sở giỏi 2023	12.000	
-	Tổ chức Cuộc thi nhảy (dance festival) cho học sinh THPT năm 2023	10.000	
-	Tổ chức Hội thi Chỉ huy Đội giỏi, Phụ trách sao giỏi và Sao nhi đồng chăm ngoan năm 2023	15.000	
-	Tổ chức Hội thi: Thiếu nhi kể chuyện về Bác Hồ	15.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ / NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2023	Ghi chú
-	Lễ Khai mạc hoạt động hè và ra quân Chiến dịch thanh niên tình nguyện hè 2023	6.000	
-	Tổ chức thi huấn luyện kỹ năng, trại hè trải nghiệm cho thiếu nhi năm 2023	15.000	
3	Hội Nông Dân	1.005.267	
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	834.267	
-	Quỹ lương	708.267	
-	Chi thường xuyên	126.000	
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	171.000	
-	Kinh phí bổ sung (4trđ/biên chế) tổ chức các hoạt động, phong trào phát sinh trong năm	20.000	
-	KP thực hiện Kết luận số 61-KH/TW của Ban Bí Thư TW Đảng	10.000	
-	KP tiếp công dân giải quyết khiếu nại tố cáo	14.000	
-	KP tổ chức hội thi: Sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu tỉnh Gia Lai lần thứ II/2023.	15.000	
-	Kinh phí tổ chức tham gia: Phiên chợ nông sản tỉnh lần thứ II/2023; Ngày hội Nông dân khởi nghiệp và chuyển đổi số	12.000	
-	Kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu Hội Nông Dân huyện (nhiệm kỳ 2023-2028)	100.000	
4	Hội cựu chiến binh huyện	375.841	
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	333.841	
-	Quỹ lương	258.241	
-	Chi thường xuyên	75.600	
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	42.000	
-	Kinh phí bổ sung (4trđ/biên chế) tổ chức các hoạt động, phong trào phát sinh trong năm	12.000	
-	Đại hội câu lạc bộ CCB sản xuất kinh doanh giỏi huyện, lần thứ III, nhiệm kì 2023-2028	15.000	
-	Tổ chức hội thi Chi hội trưởng giỏi lần thứ III/2023	15.000	
5	Hội LH phụ nữ huyện	786.416	
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	744.416	
-	Quỹ lương	618.416	
-	Chi thường xuyên	126.000	
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	42.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ / NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2023	Ghi chú
-	Kinh phí bổ sung (4trđ/biên chế) tổ chức các hoạt động, phong trào phát sinh trong năm	20.000	
-	Tổng kết 10 năm triển khai thực hiện QĐ 217, 218 về giám sát và phản biện xã hội	18.000	
-	Thực hiện đề án 939: Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2027	4.000	
IV	Các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp	539.006	
1	Hội người cao tuổi	67.216	
-	KP hoạt động được UBND huyện giao nhiệm vụ	67.216	
2	Hội Cựu Thanh niên xung phong	67.216	
-	KP hoạt động được UBND huyện giao nhiệm vụ	67.216	
3	Hội chữ thập đỏ	337.358	
-	KP chi thù lao người làm việc (03 người)	287.358	
-	KP hoạt động được UBND huyện giao nhiệm vụ	45.000	
-	KP ban chỉ đạo hiến máu tình nguyện	5.000	
4	Hội NNCĐDC/Đioxin	67.216	
-	KP hoạt động được UBND huyện giao nhiệm vụ	67.216	
V	Các nhiệm vụ phát sinh trong năm	4.450	
VI	Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc năm 2023	1.500.000	

Ghi chú:

1. Kinh phí các nhiệm vụ phát sinh khác chưa giao đơn vị, số tiền: 4,45 trđ
2. Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc chưa giao đơn vị, số tiền: 1.500 trđ

